DANH SÁCH THI NGOẠI NGỮ II TIẾNG ANH KỲ 1 KHOÁ 2010-2014

Ngày thi: 05.01.2013 **Phòng thi: E**

STT	Họ và	tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp	Khoa	HK1	Phòng thi
1	Đặng Tuấn	Anh	6/1/1992	Hà Nội	1T-10	Trung		Phòng 107 E
2	Đỗ Thị Vân	Anh	8/8/1991	Hà Nội	3T-10	Trung		
3	Hà Ngọc	Anh	25/08/1992	Quảng Ninh	1H-10	Hàn		
4	Lê Ngọc	Anh	17/10/1992	Hà Nội	2P-10	Pháp		
5	Mai Hải	Anh	16/10/1992	Thái Bình	8T-10	Trung		
6	Ngô Thuỳ	Anh	7/11/1991	Hà Nội	3T-09	Trung		
7	Ngô Vân	Anh	21/06/1992	Hà Nội	2Đ-10	Đức		
8	Nguyễn Mai	Anh	7/6/1991	Hà nội	2T-10	Trung		
9	Nguyễn Phương	Anh	31/05/1992	CHLB Đức	2Đ-10	Đức		
10	Nguyễn Quỳnh	Anh	2/5/1992	Hà Nội	3I-10	Italia		
11	Nguyễn Thị Việt	Anh	1/11/1992	Hưng Yên	3H-10	Hàn		
12	Phạm Thị Lan	Anh	8/6/1992	Hà Nam	3T-10	Trung		
13	Trần Quốc	Anh	14/09/1992	Hà Nội	6T-10	Trung		
14	Đỗ Vân	Ánh	9/7/1992	Hải Dương	2T-10	Trung		
15	Nguyễn Phú	Bách	28/10/1992	Hải Phòng	7T-10	Trung		
16	Ngô Minh	Châu	25/1/1992	Phú Thọ	1H-10	Hàn		
17	Nguyễn Thị Minh	Châu	3/2/1992	Hà Nam	3T-10	Trung		
18	Bùi Lê Yến	Chi	8/2/1993	Hà Nội	4NB-10	Nhật		
19	Lưu Ngọc	Diệp	18/10/1992	Hà Nội	2Đ-10	Đức		
20	Tống Thị	Dinh	21/01/1991	Thái Bình	5T-10	Trung		
21	Lê Thị	Đức	18/4/1990	Thanh Hoá	1I-09	Italia		
22	Đỗ Thị Phương	Dung	8/10/1992	Hải Phòng	1NB-10	Nhật		
23	Vũ Thị	Dung	16/02/1992	Bắc Giang	3I-10	Italia		
24	Phạm Thuỳ	Dương	19/09/1992	Hà Nội	3H-10	Hàn		
25	Đinh Hà	Giang	25/3/1992	Hà Tây	2H-10	Hàn		
26	Chử Thị Thu	Hà	23/09/1992	Hà Nội	3N-10	Nga		
27	Cù Thu	Hà	15/09/1992	Phú Thọ	3I-10	Italia		
28	Mai Thu	Hà	20/07/1992	Vĩnh Phúc	5T-10	Trung		
29	Nguyễn Thanh	Hà	13/2/1991		2009	Trung		
30	Đỗ Tiến	Hải	10/11/1991		2009	Trung		
31	Đặng Thị	Hằng	10/12/1992	Thái Bình	6T-10	Trung		
32	Đào Thị Thu	Hằng	22/1/1992	Hải Dương	8T-10	Trung		
33	Lê Thuý	Hằng	24/10/1992	Hà Nội	3N-10	Nga		
34	Nguyễn Thị	Hằng	23/08/1992	Hà nội	2T-10	Trung		
35	Trần Thị Diễm	Hằng	28/3/1992	Hưng Yên	2Đ-10	Đức		
36	Nguyễn Thị	Hạnh	20/12/1991	Hải Dương	1Đ-10	Đức		
37	Phùng Thị Thanh	Hảo	24/11/1992	Hà Nội	3T-10	Trung		
38	Phạm Thị	Hiên	6/1/1992	Hải Dương	6T-10	Trung		
39	Đào Thu	Hiền	20/05/1992	Hà nội	2T-10	Trung		
40	Hà Thị	Hiền	5/12/1991	Thanh Hoá	5T-10	Trung		
41	Nguyễn Thị Minh	Hiền	29/03/1992	Hà Nội	1NB-10	Nhật		

DANH SÁCH THI NGOẠI NGỮ II TIẾNG ANH KỲ 1 KHOÁ 2010-2014

Ngày thi: 05.01.2013 **Phòng thi: E**

STT	Họ và	tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp	Khoa	HK1	Phòng thi
42	Phạm Thị Thanh	Hiền	24/07/1992	Hà Nội	2Đ-10	Đức		Phòng 108 E
43	Nguyễn Thị	Hiệp	21/4/1991	Hà Nội	3T-10	Trung		
44	Đỗ Thị Mai	Hoa	5/10/1992	Phú Thọ	6T-10	Trung		
45	Kiều Hồng	Hoa	15/01/1992		2009	Trung		
46	Nguyễn Phương	Hoa	23/10/1991		2009	Trung		
47	Nguyễn Thị	Hoa	11/9/1992	Hà Nội	1B-10	BĐN		
48	Nguyễn Thanh	Hoà	15/06/1992	Hà Nội	5T-10	Trung		
49	Phùng Hiền	Hoài	3/12/1992	Hoà Bình	2H-10	Hàn		
50	Cao Minh	Hoàng	27/1/1992	Hà Nội	2Đ-10	Đức		
51	Tô Văn	Hoành	14/01/1991	Hưng Yên	1T-10	Trung		
52	Trần Văn	Hội	7/8/1991	Ninh Bình	2P-10	Pháp		
53	Đàm Thị Thanh	Hương	29/1/1992	Nam Định	8T-10	Trung		
54	Diệp Lan	Hương	3/10/1991	Phú Thọ	3T-10	Trung		
55	Dương Diệu	Hương	8/8/1990	Hải Phòng	3H-08	Hàn		
56	Hoàng Thị Mai	Hương			3I-10	Italia		
57	Nguyễn Thị	Hương	12/12/1992	Hải Dương	1T-10	Trung		
58	Nguyễn Thị	Hương	25/05/1991		2009	Trung		
59	Nguyễn Thu	Hương	24/11/1992	Hà Nội	1B-10	BĐN		
60	Trần Thị Thu	Hương	8/11/1992	Hà Nội	2NB-10	Nhật		
61	Trần Thị	Hường	6/1/1992	Hà Nội	3T-10	Trung		
62	Nguyễn Thị	Hưởng	2/3/1992	Thái Bình	6T-10	Trung		
63	Nhữ Mạnh	Huy	17/06/1992	Hà Nội	1B-10	BĐN		
64	Đỗ Thanh	Huyền	1/4/1992	Vĩnh Phúc	1T-10	Trung		
65	Lương Thị Thu	Huyền	9/11/1992	Hà Nội	3I-10	Italia		
66	Nguyễn Thị	Huyền	3/9/1992	Hà Nội	6T-10	Trung		
67	Nguyễn Thị Phương	Huyền	20/08/1992	Bắc Ninh	8T-10	Trung		
68	Nguyễn Thu	Huyền	3/1/1992	Hà nội	2T-10	Trung		
69	Trần Thị Diệu	Huyền	31/10/1991		2009	Trung		
70	Tự Thị	Huyền	18/10/1992	Hà Nội	7T-10	Trung		
71	Trần Văn	Khâm	15/03/1992	Hải Dương	3P-10	Pháp		
72	Phi Ngọc	Khiêm	4/8/1990		2009	Trung		
73	Đinh Thị	Lan	20/5/1974	Ninh Bình	2P-10	Pháp		
74	Nguyễn Phương	Lan	13/02/1993		2N-09	Nga		
75	Nguyễn Thị	Lan	12/1/1992	Hà Nội	3H-10	Hàn		
76	Nguyễn Thị Hương	Lan	21/05/1992	Hải Dương	3H-10	Hàn		
77	Nguyễn Thuỳ	Liên	2/8/1991		2009	Trung		
78	Tạ Thị	Liên	31/7/1992	Hà Nội	6T-10	Trung		
79	Đỗ Thị	Liệu	24/02/1991	Hà Nội	3H-10	Hàn		
80	Đỗ Thị Thuỳ	Linh	26/7/1992	Vĩnh Phúc	5T-10	Trung		
81	Đoàn Nguyễn Thùy	Linh	11/9/1992	Hà Nội	3I-10	Italia		
82	Hoàng Tuấn	Linh	13/01/1992	Hà Nội	2NB-10	Nhật		

DANH SÁCH THI NGOẠI NGỮ II TIẾNG ANH KỲ 1 KHOÁ 2010-2014

Ngày thi: 05.01.2013 **Phòng thi: E**

STT	Họ và	tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp	Khoa	HK1	Phòng thi
83	Nguyễn Thị Diệu	Linh	21/4/1992	Bắc Ninh	4T-10	Trung		Phòng 304 E
84	Nguyễn Thuỳ	Linh	20/08/1991		2009	Trung		
85	Nguyễn Thuỳ	Linh	25/2/1991	Liên Xô	5T-09	Trung		
86	Nguyễn Mỹ	Lộc	21/10/1992	Hà nội	2T-10	Trung		
87	Nguyễn Thị	Lý	3/9/1991		2009	Trung		
88	Bùi Phương	Mai	26/11/1992	Hà Nội	1T-10	Trung		
89	Trần Thị Phương	Mai	1/9/1991	Hải Dương	2H-10	Hàn		
90	Nguyễn Thị	Mùi	2/1/1992	Nam Định	6T-10	Trung		
91	Dương Hà	My	15/11/1992	Hà Nội	4NB-10	Nhật		
92	Nguyễn Hà	My	14/01/1992		1NB-09	Nhật		
93	Nguyễn Trà	My	20/12/1991	Hà Nội	2Đ-10	Đức		
94	Nguyễn Bảo	Nam	23/8/1992	Hà Nội	1P-10	Pháp		
95	Nguyễn Thị	Nam	6/2/1991		2009	Trung		
96	Đặng Thị	Ngân	14/07/1991		2009	Trung		
97	Lại Minh	Ngoc	31/8/1991	Hà Nội	1I-10	Italia		
98	Nguyễn Thị	Ngọc	5/12/1991	Thái Bình	2T-10	Trung		
99	Vũ Đức	Nhân	10/1/1992	Bắc Ninh	1B-10	BĐN		
100	Bùi Tuấn	Nhật	23/11/1992	Hà Nội	3N-10	Nga		
101	Nguyễn Yến	Nhi	14/7/1992	Hà Nội	1B-10	BĐN		
102	Nguyễn Thị	Nhung	28/11/1992	Thái Bình	8T-10	Trung		
103	Nguyễn Thị Cẩm	Nhung	6/6/1992	Hà Nội	2T-10	Trung		
104	Đào Hoàng	Oanh	1/2/1992	Hà Nội	1H-10	Hàn		
105	Trần Hồng	Phúc	23/08/1991		2009	Trung		
106	Hoàng Thị	Phương	3/2/1992	Hà Nội	7T-10	Trung		
107	Nguyễn Anh	Phương	3/3/1992	Hà Nội	2NB-10	Nhật		
108	Phạm Thế	Phương	14/11/1990		2009	Trung		
109	Phí Văn	Quân	26/5/1991	Thái Bình	6T-10	Trung		
110	Lê Thị	Quỳnh	9/5/1991		2009	Trung		
111	Phạm Thị	Quỳnh	6/4/1992	Nam Định	2Đ-10	Đức		
112	Vũ Ngọc	Rạng	8/1/1991		2009	Trung		
113	Lê Thị	Tâm	8/7/1990	Hà Nội	2Đ-08	Đức		
114	Lê Thị Thanh	Tâm	8/9/1991		2009	Trung		
115	Phạm Thị Thanh	Tâm	16/5/1991	Phú Thọ	6T-10	Trung		
116	Ngô Ngọc	Tân	6/12/1990	Hà Nội	1I-09	Italia		
117	Nguyễn Văn	Tân	24/07/1991	Hà Nam	1NB-10	Nhật		
118	Nguyễn Thu	Thảo	13/4/1992	Hà Nội	2Đ-10	Đức		
119	Trần Thu	Thảo	1/10/1992	Thái Bình	3T-10	Trung		
120	Lê Thị Quỳnh	Thoa	3/4/1992	Hải Phòng	6T-10	Trung		
121	Phạm Diễm Kiều	Thơm	18/04/1991	Thái Bình	2T-10	Trung		
122	Đặng Thị	Thu	15/04/1992	Lạng Sơn	7T-10	Trung		
123	Hoàng Thị Minh	Thu	24/10/1992	Hà Nội	2NB-10	Nhật		

DANH SÁCH THI NGOẠI NGỮ II TIẾNG ANH KỲ 1 KHOÁ 2010-2014

Ngày thi: 05.01.2013 **Phòng thi: E**

STT	Họ và	tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp	Khoa	HK1	Phòng thi
124	Nguyễn Thị	Thu	28/11/1991	Hà Nam	1B-10	BĐN		Phòng 306 E
125	Trần Đỗ Hoàng	Thu	12/10/1991		2009	Trung		
126	Trần Minh	Thu	24/8/1992	Hưng Yên	3T-10	Trung		
127	Lương Thị Ngọc	Thương	23/4/1992	Hà Tây	3N-10	Nga		
128	Nguyễn Diệu	Thuý	21/8/1992	Hà Nội	2Đ-10	Đức		
129	Nguyễn Thị Phương	Thuý	5/9/1992	Vĩnh Phúc	6T-10	Trung		
130	Hoàng Thị	Thuỳ	21/08/1992	Hải Dương	8T-10	Trung		
131	Nguyễn Thị	Thuỳ	9/4/1992	Quảng Ninh	2I-10	Italia		
132	Phạm Thị	Thuỳ	19/9/1991	Thái Bình	3H-10	Hàn		
133	Nguyễn Thị Thu	Thuỷ			1I-09	Italia		
134	Phạm Thị Thanh	Thuỷ	11/7/1992	Hà Nội	1T-10	Trung		
135	Nguyễn Thị Thuỷ	Tiên	15/01/1992	Hải Phòng	1T-10	Trung		
136	Phan Thị	Tĩnh	13/3/1992	Vĩnh Phúc	3T-10	Trung		
137	Nguyễn Thị	Toàn	29/9/1991	Bắc Ninh	6T-10	Trung		
138	Đàm Thế	Trang	6/7/1992	Phú Thọ	3NB-10	Nhật		
139	Đặng Thị	Trang	21/11/1991		2009	Trung		
140	Đặng Thị Như	Trang	9/10/1992	Thái Nguyên	2T-10	Trung		
141	Đông Thị Minh	Trang	23/08/1992	Vĩnh Phúc	2H-10	Hàn		
142	Lê Thị	Trang	14/11/1992	Hà Nội	3I-10	Italia		
143	Nguyễn Minh	Trang	2/3/1992	Hà Nội	1B-10	BĐN		
144	Nguyễn Thị Hồng	Trang	29/01/1992	Yên Bái	2T-10	Trung		
145	Nguyễn Thị Huyền	Trang	3/4/1992	Bắc Ninh	5T-10	Trung		
146	Nguyễn Thị Linh	Trang	20/03/1991		2009	Trung		
147	Trần Huyền	Trang	24/04/1991		2009	Trung		
148	Trần Thu	Trang	20/09/1992	Hà nội	2T-10	Trung		
149	Trịnh Thu	Trang	2/9/1991		2009	Trung		
150	Nguyễn Thị Việt	Trinh	26/12/1991	Hà Nam	1NB-10	Nhật		
151	Phạm Thị Việt	Trinh	16/10/1992	Hải Phòng	5T-10	Trung		
152	Lê Thành	Trung	12/11/1992	Hà Nội	2NB-10	Nhật		
153	Vũ Đình Hoàng Anh	Tuấn	14/02/1992	Hà Tây	6T-10	Trung		
154	Trần Sơn	Tùng	13/2/1992	Hà Nội	1B-10	BĐN		
155	Trần Sơn	Tùng	28/12/1990		2009	Trung		
156	Nguyễn Thị	Tươi	23/04/1992	Hải Dương	5T-10	Trung		
157	Hoàng Tố	Uyên	7/5/1991	Hà Nội	4T-09	Trung		
158	Đào Thị	Vân	8/8/1992	Hà Nội	1B-10	BĐN		
159	Nguyễn Cẩm	Vân	3/5/1992	Hà Nội	1I-10	Italia		
160	Nguyễn Hoàng	Việt	6/1/1991	Hà Nội	4NB-09	Nhật		
161	Đinh Thị	Yến	19/9/1992	Quảng Ninh	8T-10	Trung		
162	Hoàng Thị	Yến	20/02/1992	Nghệ An	5T-10	Trung		
163	Nhữ Thị	Yến	13/03/1991	Hải Dương	2N-10	Nga		
164	Trần Thị Hải	Yến	29/8/1992	Hoà Bình	6T-10	Trung		